TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **08**/2022/DS-PT
Ngày: 20 - 01 - 2022
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng mua bán"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tấn Tài.

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải; ông Thái Văn Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Đỗ Phước Thành - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2021/TLPT-DS ngày 27 tháng 4 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; Hợp đồng mua bán";

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2021/DS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện PT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 148/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 7 năm 2021, và Thông báo mở lại phiên tòa số 25/2022/TB-TA ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Văn S (tự Mười), sinh năm 1965, cư trú: số 269 đường Chu Văn An, ấp Thượng 3, thị trấn PM, huyện PT, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông S: Ông Dương Văn N, sinh năm 1964, cư trú: ấp Bình Khánh, xã MK, thành phố LX, tỉnh An Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 03/7/2019).

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Mỹ X, sinh năm 1982, cư trú: ấp PM Thượng, xã Phú Thọ, huyện PT, tỉnh An Giang; Địa chỉ liên hệ: Hẻm 6, ấp Trung 2, xã Tân Trung, huyện PT, tỉnh An Giang.

Ông Trần Thanh Q, sinh năm 1978, cư trú: ấp Phú An, xã Tây Phú, huyện TS, tỉnh An Giang; Địa chỉ liên hệ: Hẻm 6, ấp Trung 2, xã Tân Trung, huyện PT, tỉnh An Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà X, ông Q: Ông Quách Thanh Phong là Luật sư của Văn phòng luật sư Quách Phong – Thuộc Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Địa chỉ: số 272 Hải Thượng Lãng Ông, ấp Thượng 2, TT PM, huyện PT, tỉnh An Giang.

(*Tại phiên tòa có mặt ông Nghiệp, bà X và Luật sư Phong; ông Q xin vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Nguyễn Văn S do ông Dương Văn N đại diện trình bày: Giữa ông S và chị X, anh Q quen biết, chị X có nhà máy xay sát, ông S là người mua bán nếp ruột và tấm nếp, nên thường xuyên đặt hàng mua bán với nhau, hình thức anh S đặt từng số lượng từng loại hàng và ứng tiền trước cho chị X, khi giao nhận hàng sẽ cấn trừ từng đợt và mua bán tiếp, trong thời gian này chị X thiếu hụt số lượng hàng để giao nên thỏa thuận chuyển 2 khoản tiền đã nhận, mỗi lần là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) tổng cộng là 2.000.000.000đ sang tiền vay, nhưng đến nay cũng không có trả lãi. Các khoản tiền giao nhận thể hiện các chứng từ được liệt kê chi tiết tại bản khai ngày 23/12/2020 (do cộng thực tế từng các biên nhận trong sổ, còn số khởi kiện ban đầu là tính phần kết số nên có chênh lệch) cụ thể như sau:

1. Tại quyển số 1: Chị X đã nhận của ông S 81.456.000.000đ, trừ số hàng chị X đã giao cho ông S trị giá 76.786.815.000đ nên còn nợ lại 4.669.185.000đ hai bên thỏa thuận tách ra 1 tỷ đồng là tiền vay nên còn lại là tiền hàng 3.669.185.000đ.

2. Tại quyển số 2: quyết toán từ ngày 29/6/2017 đến cuối sổ ngày 10/02/2018, tổng số tiền chị X nhận 214.512.300.000đ, trừ số hàng chị X giao cho ông S trị giá 205.328.000.000đ còn nợ lại 9.184.300.000đ.

3. Tại quyển số 3: từ ngày 13/02/2018 đến ngày cuối cùng 10/7/2018, tổng số tiền chị X nhận 152.810.500.000đ, trừ đi số hàng chị X giao trị giá 149.015.000.000đ nên còn nợ lại 3.795.500.000đ.

Tổng số tiền X nhận của anh S qua 3 quyền sổ là 448.778.800.000đ (81.456.000.000đ + 214.512.300.000đ + 152.810.500.000đ) trừ đi số hàng đã giao là 431.129.815.000đ (76.786.815.000đ + 205.328.000.000đ + 149.015.000.000đ) = 17.648.985.000đ trừ đi số tiền chị X trả lại do không thực hiện hợp đồng là 6.500.000.000đ (trong quyển sổ thứ 3) nên còn lại

11.148.985.000đ, trong số tiền này hai bên thỏa thuận tách ra 2 lần tiền vay mỗi lần 1 tỷ đồng (1 lần ở quyền sổ thứ 1 và 1 lần ở quyền sổ thứ 3), nên tiền hàng còn lại là 9.148.985.000đ.

4. Phần khởi kiện bổ sung là 897.985.000đ lý do sau khi khởi kiện mới tìm được quyền sổ đầu tiên chốt sổ chuyển sang sổ thứ 1 số tiền là 936.000.000đ, do cộng các biên nhận ở từng sổ so với số hàng chị X giao trừ đi thì số tiền chỉ chênh lệch 897.985.000đ, nên phía anh S chấp nhận khởi kiện ít hơn phần chốt sổ.

Nay ông thay mặt cho ông Nguyễn Văn S chỉ yêu cầu một mình bà Nguyễn Thị Mỹ X phải có trách nhiệm trả cho ông S số tiền 11.148.985.000 đồng (trong đó có 2 tỷ đồng tiền vay) không yêu cầu tính lãi, rút yêu cầu đối với ông Trần Thanh Q.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn ông cho rằng chị X đã ký sổ sách, đã nhận tiền với anh S (Mười), còn giao dịch qua ngân hàng trong tài khoản của chị X như thế nào thì do chị X biết nên không đồng ý theo yêu cầu phản tố của chị X.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ X trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố như sau: Việc thỏa thuận và hình thức mua bán như ông Nghiệp đại diện cho ông S trình bày, tất cả các khoản tiền được ghi trong sổ là tiền mua bán chứ không có thỏa thuận tách ra tiền vay, còn tách ra tiền vay do bên phía ông S tự tách ra chị không đồng ý, sổ sách hai bên chưa tính cụ thể.

Trong các quyển sổ mà bên nguyên đơn cung cấp có chữ ký và chữ viết là của chị mà các bên đã được đối chiếu, khi chị làm biên nhận xong yêu cầu ông S chuyển tiền cho người mà chị yêu cầu hoặc chuyển vào tài khoản cá nhân của chị, có khi chị nhận tiền mặt, có khi anh S yêu cầu người khác chuyển tiền cho chị, nhưng các khoản tiền từ các biên nhận phía anh S chuyển tiền cho chị qua tài khoản cá nhân của chị tại Ngân hàng Sài Gòn thương tín (Sacombank) phòng giao dịch PT không đúng đủ như biên nhận chị đã làm (có bản liệt kê gởi Tòa án). Sau khi đối chiếu các số tiền từ bản sao kê của Ngân hàng và số lượng hàng hóa chị đã giao trị giá 431.129.815.000đ thì số tiền anh S phải trả tiếp cho chị là 28.768.215.000đ (hai mươi tám tỷ bảy trăm sáu mươi tám triệu hai trăm mười lăm ngàn đồng).

Riêng quyển sổ thứ 4 (sổ đầu tiên) số tiền khởi kiện bổ sung của nguyên đơn chị không đồng ý vì đã tất toán và đã xóa các biên nhận, phần cuối sổ số tiền 936.000 (gọi 936.000.000đ) do ông S tự ghi.

Về yêu cầu của nguyên đơn chị không đồng ý mà yêu cầu ông S phải trả ngược lại cho chị 28.768.215.000đ 000đ (hai mươi tám tỷ bảy trăm sáu mươi tám triệu hai trăm mười lăm ngàn đồng).

- Bị đơn ông Trần Thanh Q trình bày: Ông không có làm ăn mua bán gì với ông S nên không có yêu cầu.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2021/DS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện PT đã quyết định:

Căn cứ Điều 430 và Điều 440 Bộ Luật dân sự

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 217, Điều 228, Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S (Mười) đối với chị Nguyễn Thị Mỹ X về "Hợp đồng mua bán tài sản".

- Buộc chị Nguyễn Thị Mỹ X phải trả cho ông Nguyễn Văn S (Mười) số tiền mua bán là 11.148.985.000đ (mười một tỷ một trăm bốn mươi tám triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn đồng)

- Bác yêu cầu phản tố của chị Nguyễn Thị Mỹ X đòi ông Nguyễn Văn S (Mười) trả tiền mua bán còn thiếu là 28.768.251.000 đồng (hai mươi tám tỷ bảy trăm sáu mươi tám triệu hai trăm năm mươi mốt ngàn đồng)

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S (Mười) không yêu cầu anh Trần Thanh Q cùng chị X trả tiền.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về phần án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo; quyền thi hành án và thời hiệu thi hành án của các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/02/2021 bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ X kháng cáo yêu cầu xem xét lại toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện PT.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tranh luận tại phiên tòa

- Luật sư Phong trình bày: Sau khi cấp sơ thẩm xét xử, bà X không đồng ý với Quyết định của Bản án nên kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm. Trong quá trình giải quyết vụ án, thấy rằng cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện hết nội dung vụ án, cụ thể: Thứ nhất, chưa làm rõ các lần chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng tại sao lại không khớp với việc bà X ký nhận tại sổ mà nội dung này lại là yêu cầu mà bà X muốn được làm sáng tỏ; Thứ hai, bỏ sót người có liên quan trong vụ án là Công ty TNHH Thanh Bích do ông Trần Thanh D làm Giám đốc, mà việc làm ăn giữa ông S và bà X có thực hiện được hay không là phải nói đến vai trò của Công ty này. Với những thiếu sót và vi phạm này, yêu cầu HĐXX phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X, Hủy bản án sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện PT.

- Bà X trình bày: Thống nhất nội dung trình bày của luật sư Phong và không bổ sung gì thêm.

- Ông Nghiệp trình bày: Không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bà X, thống nhất bản án sơ thẩm. Đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện PT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

- *Về thủ tục tố tụng*: Kháng cáo của Bà Nguyễn Thị Mỹ X là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

- *Về nội dung giải quyết vụ án*: Nhận thấy, theo đơn khởi kiện nguyên đơn ông Nguyễn Văn S cho rằng trong quá trình mua bán lúa nếp, bị đơn chị Nguyễn Thị Mỹ X còn nợ ông số tiền 9.148.985.000 đồng và tiền vay 2.000.000.000 đồng. Tổng cộng là 11.148.985.000 đồng. Bà X cho rằng số tiền 2 tỷ đồng cũng là tiền mua bán hàng hóa chứ không phải tiền vay, do ông S tự tách ra xác định tiền vay nên Bà không đồng ý. Ông S cũng chấp nhận ý kiến của bà X xác định là tiền mua bán hàng hóa. Vì vậy xác định tranh chấp là hợp đồng mua bán hàng hóa. Do việc thực hiện hợp đồng không được lập văn bản, công chứng nên chỉ dừng lại xem xét về tranh chấp dân sự về mua bán tài sản. Yêu cầu khởi kiện bổ sung của ông S cũng như yêu cầu phản tố của bà X được cấp sơ thẩm thực hiện theo đúng các quy định của BLTTDS 2015 (Bl: 303, 306; 353-354). Đối với số tiền 2 tỷ đồng ông S khởi kiện cho là tiền vay, nhưng tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn và bị đơn thống nhất số tiền 2 tỷ đồng là tiền mua bán hàng hóa, không phải tiền vay. Tòa sơ thẩm thấy việc thay đổi trên không vượt quá phạm

vi khởi kiện ban đầu nên đã giải quyết trong vụ án là phù hợp quy định Điều 5, khoản 4 Điều 70, khoản 2 Điều 71 BLTTDS 2015. Sau khi bà X ký nhận tiền vào sổ của ông S thì tiền cho bà X được chuyển cho bà X qua tài khoản Sacombank. Bà X cho rằng số tiền chuyển sau khi ghi biên nhận đôi lúc không chính xác, có yêu cầu ông S ghi lại nhưng ông S nói có tiền chuyển qua Ngân hàng có chứng từ nên bà X tin tưởng không sửa lại. Qua xem xét số tiền bà X ký nhận trong sổ ông S với bản sao kê do Sacombank cung cấp thấy có nhiều chứng từ sai lệch về số tiền bị ký nhận. Qua xem xét sổ ghi nợ và các bản sao kê của Sacombank thấy rất nhiều số tiền ghi trên sổ nợ do ông S cung cấp không trùng khớp với số tiền chuyển khoản cho bà X nhận do Sacombank sao kê, cấp sơ thẩm không đối chiếu làm rõ từng lần chuyển, nhận tiền, cách thức giao nhận tiền cho từng hợp đồng mua lúa nếp nhưng đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bà X trả nợ là chưa đủ cơ sở thuyết phục. Mặc khác, trong việc thực hiện các hợp đồng trên còn có Công ty TNHH Thanh Bích do ông Trần Thanh D làm Giám đốc là đầu mối thực hiện việc thu mua lúa sau đó giao cho ông S liên hệ với bà X để thực hiện. Khi bà X giao hàng theo yêu cầu đối tác thì tiền mới được chuyển về Cty TNHH Thanh Bích và được chuyển khoản trực tiếp cho bà X hoặc chuyển qua ông S để giao lại cho bà X. Vai trò của Cty TNHH Thanh Bích là rất quan trọng trong việc làm rõ vai trò của ông S trong việc ký, thực hiện, thanh quyết toán từng hợp đồng mua bán. Nhưng cấp sơ thẩm không đưa Cty TNHH Thanh Bích và tham gia tố tụng với tư cách người có quyền và nghĩa vụ liên quan trong vụ án để giải quyết là thiếu sót, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Với các thiếu sót vi phạm nghiêm trọng thủ tục như trên, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Đề nghị HĐXX phúc thẩm căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu kháng cáo bà Nguyễn Thị Mỹ X; Hủy án sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 04/02/2021 của Tòa án nhân dân huyện PT, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện PT thụ lý giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Nguyễn Thị Mỹ X kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ X, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Về nội dung:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ông S với chị X thỏa thuận mua bán lúa nếp ruột và tấm nếp, hình thức khi anh S có nhu cầu đặt hàng thì thông báo cho chị X số lượng và loại hàng đồng thời chuyển tiền ứng trước theo yêu cầu của chị X hoặc ông S nhờ người khác chuyển tiền theo yêu cầu của chị X, cũng có khi chị X nhận tiền mặt, sau khi chị X nhận tiền đều ghi xác nhận vào các quyền sổ của ông S và giao hàng để trừ vào các khoản tiền bên ông S giao hoặc chuyển khoản, tổng số tiền chị X làm biên nhận là 448.778.800.000đ trừ đi số hàng đã giao là 431.129.815.000đ trừ đi số tiền chị X trả lại không thực hiện hợp đồng là 6.500.000.000đ nên chị X còn nợ lại ông S số tiền 11.148.985.000đ.

Chị X trình bày: Các khoản tiền ông S chuyển vào tài khoản của chị không đúng với biên nhận mà chị làm cho ông S. Trong đó có những khoản tiền do ông D giám đốc Công ty TNHH Thành Bích, bà Chi chuyển cho chị cũng không đúng với số tiền chị nhận được trong tài khoản.

Chị X có yêu cầu phản tố chị không còn nợ tiền mua bán hàng hóa và tiền vay của ông S. Trong quá trình mua bán lúa, nếp, chị đã giao hàng hóa cho ông S vượt quá số tiền mà ông S đã trả cho chị, số tiền vượt quá là 28.768.251.000 đồng. Chị yêu cầu ông S phải trả lại cho chị số tiền 28.768.251.000 đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc giao nhận tiền giữa ông S, bà X qua 2 hình thức: bằng tiền mặt, chuyển khoản, đa số phần lớn là chuyển khoản. Theo lời trình bày của bà X, mỗi lần ông S chuyển tiền cho bà đều yêu cầu bà ký tên trước vào sổ nhận tiền, sau đó mới chuyển khoản. Tuy nhiên số tiền mà bà ký nhận trong sổ của ông S lúc nào cũng cao hơn số tiền mà bà nhận được trong tài khoản ngân hàng do ông S chuyển, bà có phản ánh vấn đề này với ông S, nhưng ông S nói mỗi lần chuyển tiền đều có phiếu chuyển sẽ đối chiếu quyết toán sau. Bà đã yêu cầu Ngân hàng Sacombank sao kê toàn bộ diễn biến số tiền bà đã nhận được từ ông S chuyển trong suốt quá trình hai bên thực hiện giao dịch mua bán. Kết quả sao kê cho thấy số tiền thực tế bà đã nhận được có sự chênh lệch so với số tiền trong sổ của ông S rất nhiều lần. Đơn cử một vài trường hợp cụ thể như sau:

- Ngày 14/3/2017 trong sổ do nguyên đơn cung cấp có sự ký nhận của bà X nhận chuyển khoản của ông S số tiền 1.530.000.000đ, nhưng trong sao kê của

Ngân hàng thể hiện số tiền chuyển khoản là 1.500.000.000đ, chênh lệch 30.000.000đ.

- Ngày 16/3/2017 trong sổ do nguyên đơn cung cấp có sự ký nhận của bà X nhận chuyển khoản của ông S số tiền 1.100.000.000đ, nhưng trong sao kê của Ngân hàng thể hiện số tiền chuyển khoản là 1.000.000.000đ, chênh lệch 100.000.000đ.

- Có trường hợp đối với ngày 21/8/2017 trong sổ do nguyên đơn cung cấp có sự ký nhận của bà X nhận chuyển khoản của ông S số tiền bằng số 3.180.000.000đ, nhưng số tiền bằng chữ lại ghi (Ba tỷ tám trăm triệu đống), trong sao kê của Ngân hàng lại thể hiện 3.130.000.000đ (do C.ty TNHH Thành Bích chuyển).

Ngày 05/01/2018 trong sổ do nguyên đơn cung cấp có sự ký nhận của bà X thể hiện không biết người chuyển với số tiền 1.462.000.000 đồng nhưng trong sao kê ngân hàng thì tài khoản của bà X không có nhận số tiền này.

Qua đối chiếu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng đã xác định những lần bà X ký nhận tiền trong sổ của ông X là trước ngày bà X nhận tiền chuyển khoản của ông X tại Ngân hàng, do vậy lời trình bày của bà X cho rằng ký nhận tiền trước mới nhận chuyển khoản sau là phù hợp.

Do vụ án có nhiều mâu thuẩn, nhiều vấn đề cần được làm rỏ, lẽ ra cấp sơ thẩm cần phải xác minh, thu thập chứng cứ để làm sáng tỏ nội dung vụ án như:

- Phải cho các bên tiến hành đối chất, làm rõ giữa số tiền chuyển khoản và số tiền ghi trong sổ theo từng lần giao nhận tiền, để từ đó xác định số tiền chênh lệch, nguyên nhân chênh lệch, số lượng hàng hóa bà X đã giao cho ông S, hình thức giao nhận hàng, yêu cầu ông S phải đến ngân hàng sao kê số tiền đã chuyển trả cho bà X.

Nhưng cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào sổ sách do nguyên đơn cung cấp có chữ ký của bà X xác nhận, cũng như lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ông S cho rằng tiền được chuyển vào tài khoản bà X như thế nào thì tùy bà, nguyên đơn không biết, để từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà X phải trả lại số tiền 11.148.985.000đ là chưa có cơ sở vững chắc.

[2.2] Về tố tụng: Trong những lần chuyển tiền trong đó có thể hiện ông D giám đốc C.ty TNHH Thanh Bích, bà Chi chuyển tiền cho bà X, nhưng trong sao kê có sự chênh lệch, hoặc không có chuyển, không được bà X thừa nhận. Mặc khác, tại phiên tòa phúc thẩm bà X có kê khai tất cả các quá trình hoạt động mua bán hàng hóa, thì thấy do Công ty của bà mới thành lập chưa có tiếng tâm

trên thị trường nên tất cả các hoạt động mua bán hàng hóa của Công ty đều thông qua Công ty TNHH Thanh Bích do ông Trần Thanh D làm chủ, khi ông S có đối tác mua hàng (lúa gạo, lúa nếp, tấm) thì ông S liên hệ bà X, ông D để ông D trực tiếp ký hợp đồng với đối tác, bà X là người cung cấp hàng hóa cho ông D, khi ông D xuất hóa đơn cho đối tác thì giao hóa đơn còn lưu lại cho bà, để bà quyết toán với ông S.

Mặc khác tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của ông S cũng đã xác định ông S không có thành lập công ty, không có tư cách pháp nhân, khi đặt hàng mua lúa gạo của bà X thì phải thông qua nhiều công ty đối tác khác, nhưng do bí mật kinh doanh nên ông không cung cấp thông tin những công ty này. Lời khai này hoàn toàn phù hợp với lời khai của bà X và những chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy việc mua bán này, cũng như việc thanh toán tiền hàng còn có liên quan đến Công ty TNHH Thanh Bích do ông D làm đại diện, bà Chi nhưng cấp sơ thẩm không đưa ông D, Công ty TNHH Thanh Bích, bà Chi tham gia vào vụ án với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan để xác định mối quan hệ như thế nào với ông S, nguồn tiền chuyển từ đâu, hình thức mua bán hàng hóa giữa ông S, bà X, Công ty TNHH Thanh Bích, đối chất việc chuyển tiền của ông D, bà Chi với bà X, là vi phạm nghiêm trọng tố tụng, làm ảnh hưởng quyền và lợi ích của các bên.

[3] Từ những nhận định trên cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng từ khi giai đoạn giải quyết vụ án, đến khi đưa vụ án ra xét xử, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, từ đó dẫn đến nội dung giải quyết vụ án bị ảnh hưởng, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được, nên yêu cầu kháng cáo của Bà X là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận, do đó cần hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số số 15/2021/DS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện PT theo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cũng như phát biểu của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên Bà X không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308; Điều 310, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ X.

- Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số số 15/2021/DS-ST ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện PT, tỉnh An Giang giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ X không phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001845 ngày 09/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện PT, tỉnh An Giang.

- Án phí dân sự sơ thẩm đươc xác định lại khi giải quyết lại vụ án.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện PT;
- Chi cục THA-DS huyện PT;
- Phòng KTNV& THA;
- Tòa Dân sự;
- Văn phòng;
- Đương sự;
- Lưu HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Tấn Tài